

Quân Y Sĩ Nhảy Dù Khoá 21 Hiện Dịch

Phan Ngọc Hà

Kính thưa quý niên trưởng và các bạn,

Đề góp ý với anh Tổng Viết Minh về truyện ngắn *Đôi Mắt Phượng* của ông Nguyễn Đạt Thịnh nhiều lần xuất hiện trên internet và các diễn đàn Y khoa, tôi, với tính cách là một Quân Y sĩ thuộc khoá 21 Hiện Dịch xin được trình diện trước quý vị các Quân Y sĩ Hiện dịch thuộc Khoá 21, đã một lần hiên ngang "*xem cái chết nhẹ tựa lông hồng*" khi tình nguyện đầu quân về Sư Đoàn Dù vào những năm cuối cùng của cuộc chiến. Vì danh dự, chuyện "*thanh minh thanh nga*" này lẽ ra là việc mà các Quân Y sĩ về Tiểu Đoàn Quân Y Dù phải làm, nhưng có lẽ như người Pháp vẫn nói "*cái tôi đáng ghét*" (le moi est pire), nên tôi, một Quân Y sĩ Bộ Binh sẽ khách quan hơn khi đề cập đến các bạn *Nhảy Dù Cố gắng*.

Và đây...

Các Quân Y sĩ Hiện Dịch tốt nghiệp năm 1974 về phục vụ ở Sư Đoàn Dù

1-Châu Hữu Hầu- Nguyên là một SV trong Ban Cán Bộ của TĐ SVQY trong Hệ Thống Tự Chi Huy của Trường Quân Y, hiện giờ là một giám đốc bệnh viện tư nhân ở Đồng Tháp, khá thành công về mặt tài chánh và rất nhiệt tình đón tiếp bạn bè từ ngoại quốc về thăm quê hương.

2-Nguyễn Văn Liêm, là y sĩ trưởng của một tiểu đoàn Dù tân lập, giờ thứ 25 vẫn còn chiến đấu với các binh sĩ Nhảy Dù trên Xa lộ Biên Hoà. Người rất tử tốn, học khá giỏi, đậu phần chuyên môn ECFMG vào năm thứ 6 Y khoa ở VN. Hiện đang sống ẩn dật đầu đó ở Houston, rất ít tiếp xúc với bạn bè

3- Trương Văn Như, người rất chịu khó, làm nhiều việc để kiếm tiền ngoài giờ học, ca cải lương rất mùi với bài "*Năm Con Vợ*" nên có nick name là *Như 5 vợ*. Hiện làm phòng mạch đất khách ở vùng Orange County đã cùng với Nguyễn Chi Vỹ,

Hội Trưởng hội Tây-Son Bình Định (cũng là QYSĩ K21 HD) đóng góp số tiền khá lớn để xây tượng đài Vua Quang Trung ở vùng này.

4- Trần Duy Thanh, tự là "*Thanh kều*" vì tầm thước khá cao, giỏi nhiều môn thể thao, nhất là bóng bàn, đã một lần vô địch bóng bàn ở Trường Y khoa (1973), đã cùng với danh thủ Trần Thanh Nhơn, Nguyễn Chi Vỹ và *Dũng"gù"* mang cúp vô địch bóng bàn do Tổng Cục Quân Huấn tổ chức vào năm 1973 về cho TQY, hiện "*Thanh kều*" đang định cư ở Australia

5- Nguyễn Văn Thạnh, biệt danh *Thạnh đen*, người duy nhất trong 7 QY Sĩ của Khoá 21 HD về SĐ Dù lập gia đình vào năm cuối ở Trường Quân Y. Định cư ở Canada vào năm 1975, có ECFMG từ VN, khá thành công ở một BV ở Montréal. Người vợ tào khang đã mất khoảng hơn 10 năm trước, rất thương vợ nên Thạnh chỉ mới tục huyền từ vài năm nay.

6- Nguyễn Xuân Thiều, một trong những SV cán bộ trong Hệ Thống Tự Chỉ Huy, người sống rất nề nếp (được anh Phạm Gia Cồn khen là người giữ kỷ luật trong ngày cuối cùng ở mặt trận Phan rang), đã đi vào lòng đại dương trong chuyến vượt biển tìm tự do. Xin bạn Thiều yên nghỉ trong cõi vĩnh hằng

7- Nguyễn Văn Thịnh, có nick name là *Thịnh con* hay *Thịnh "đui"* vì bạn mang kiếng cận thị và cũng để phân biệt với Lê Vĩnh Thịnh hay Thịnh "*diên*", Thịnh "*điếc*" (ngày nay đã hết điếc nhờ sự tận tâm của ngành y khoa Hoa Kỳ); người bạn vẫn còn ở cầu Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975, chạy vào BV Nguyễn Văn Học, khu nội trú SV để thay bộ quân phục vì không nữ vớt chiếc áo hoa với bằng nhảy dù với hai bông mai đen trên cổ áo và con rắn vàng trên bằng tên trên lê đường chạy loạn. Sau này Thịnh vẫn rất lưu luyến cái áo hoa dù nên may cho cậu con trai chừng 5 tuổi chiếc áo hoa với đầy đủ bằng Dù (rất đáng tiếc, cậu quý tử đã già từ chúng ta rất sớm ở tuổi mới vào đời).

Những quân y sĩ trẻ nhất của SĐ Nhảy Dù tốt nghiệp năm 1974 không có người nào có hoàn cảnh giống như nhân vật Trần Quang của ông Nguyễn Đạt Thịnh đã tưởng tượng và viết ra khi hư cấu truyện ngắn *Đôi Mắt Phượng*.

Ngoài ra cũng để rộng đường dư luận, cho sự biện bạch về sự nhầm lẫn, tiện đây tôi cũng xin kể đến quý danh của bốn vị

đàn anh của Khoá 20 QYHD chọn về SĐ Dù: Phạm Ngọc Ân, Nguyễn Kiêm, Nguyễn Tấn Trí, và Lê Văn Nhân với những thành tích của họ trong những ngày cuối cùng của chiến cuộc và những ngày sau đó, Sở dĩ tôi nêu tên các đàn anh khoá 20 ở đây vì ngày họ chính thức đi vào cuộc chiến là đầu năm 1974 mặc dù họ đã tốt nghiệp Y Khoa từ cuối năm 1973 vì nhân vật của ông Nguyễn Đạt Thịnh trong truyện Đôi Mắt Phượng xưng là SVQY ra trường năm 1974.

1- Phạm Ngọc Ân khi còn ở Trường Quân Y là SV Tiểu Đoàn Trưởng (SV Trưởng Tràng) của Trường Quân Y niên khoá 1972-1973, người được Trung Tướng Chủ Toạ và Y Sĩ Đại Tá Chi Huy Trưởng gán cấp bậc y sĩ trung úy trong buổi lễ mãn khoá. Thông thường trong các buổi lễ mãn khoá ở TQY, tân sĩ quan được hân hạnh nhận cấp bậc từ vị tướng chủ toạ không phải là SV Thủ Khoa mà là SV Trưởng khoá vì cho đến ngày làm lễ mãn khoá các tân sĩ quan còn phải qua một lớp hành chánh Quân Y và một khoá ngắn về cấp cứu hồi sinh nên TQY vẫn chưa đủ dữ kiện để xếp vị thứ. Anh Ân đã được đi tản cùng với gần một Lữ đoàn Dù vào ngày cuối cùng của cuộc chiến ở bờ biển Vũng Tàu. Hiện khá thành công trong nghề nghiệp ở Mỹ.

2- Nguyễn Tấn Trí, người vẫn làm phòng mạch và vẽ tranh lụa để trợ giúp Thương phế binh và nạn nhân của vườn rau Lộc Hưng, ở Sài Gòn.

3- Nguyễn Kiêm tự là Kiêm "*máu*" (hay *Kiêm Thiếu Máu*) từ bài thơ **Chiều Thiếu Máu**

<http://www.svqy.org/chieuthieumau.html>

Ngày cuối tháng 3/1975 Nguyễn Kiêm ra trình diện đơn vị sau mấy ngày phép ngắn ngủi thăm gia đình, và rồi người Y Sĩ Trưởng Tiểu Đoàn 2 cùng với Lữ Đoàn bị kẹt lại ở Khánh Dương. Võ trận ở Khánh Dương đã mò về được Nha Trang, vào làm việc tại một Bệnh Viện ở Nha Trang cùng với anh Nguyễn Lạc Thái, Bác Sĩ Tiểu Đoàn Phó TĐ 22QY. Vì thiếu bác sĩ nên VC cho các quân t sĩ của VNCH tiếp tục công tác điều trị bệnh nhân, nhưng vài tháng sau phe chiến thắng đã bắt các sĩ quan của VNCH phải trình diện và vào trại tập trung. Anh Thái phải mất vài năm trong trại, riêng Nguyễn Kiêm phải trốn gần 2 năm trên căn gác nhỏ của người quen, nằm tụng **Harrison's Principales of Internal**

Medicine và với trí nhớ rất tuyệt vời anh rất có căn bản về ngành nội khoa. Sau này vào Sài Gòn lang thang ở chợ trời thuốc Tây để kiếm tiền nuôi vợ, nuôi con. Anh xin được làm ở khoa cấp cứu BV Sài Gòn và bác sĩ điều trị BV Việt Pháp (BV tư của người Pháp). Hiện anh đã về hưu và cuộc sống nghe đâu khá vất vả, tuy nhiên mỗi lần gặp bạn bè anh vẫn giữ tiếng cười rất lớn và rất đặc biệt với châm ngôn "*sống như Lý Bạch*" mà anh đã viết trong quyển kỷ yếu của Khoá 20 QYHD

4- Anh Lê Văn Nhân, biệt danh *Nhân Oshawa*, là một cựu học sinh Taberd, một sinh viên Y Khoa xuất sắc, tính tình điềm đạm, người tự khép mình vào khuôn khổ, sống như một thầy tu, rất tận tụy với bệnh nhân thực hành nghiêm chỉnh lối dinh dưỡng Oshawa, dáng người mảnh khảnh, đi đứng nhẹ nhàng như đang đi trong sương trong gió. Ngày tình nguyện về Tiểu Đoàn Quân Y, Sư Đoàn Dù anh đã gây nhiều ngỡ ngàng cho anh em đồng khoá và làm mất cơ hội "*tung mây lướt gió*" của Nguyễn Mạnh Tiến (*Tiến đế*), khiến *Tiến đế* đành phải làm người hùng ở Liên Đoàn Biệt Động Quân biên phòng.

Sau khi *trả nợ* vì những năm binh nghiệp trong trại tù VC, anh được làm việc ở Phòng Y Tế Quận 8, Sài Gòn và đã quá vắng từ nhiều năm trước. Xin anh Nhân yên nghỉ trong cõi an bình.

Đến đây thiết tưởng đã đủ chứng minh rằng câu chuyện *Đôi Mắt Phượng* chỉ là một hư cấu và nhân vật Trần Quang trong câu chuyện không phải là nhân vật có thật trong hàng ngũ Quân Y sĩ của Tiểu Đoàn Quân Y Sư Đoàn Dù, nhưng vẫn còn thừa chút giấy nên người viết xin kể nốt quý danh của các Quân Y Sĩ Trung Tập Khoá 16. Họ tốt nghiệp năm 1973 từ Y Khoa Đại Học Sài Gòn và Huế và vào Quân đội VNCH năm 1974 về phục vụ ở Sư Đoàn Dù vào năm 1974. Vì người nào đó ***khi post câu chuyện Đôi Mắt Phượng đã không ngần ngại viết lên rằng: Đây là câu chuyện có thật.*** Các Quân Y Sĩ trung tập có mà tôi sắp kể tên có thể không liên quan đến câu chuyện nhưng vì họ thật sự phục vụ trong Sư Đoàn Nhảy Dù từ năm 1974 (danh sách này có thể còn thiếu) nên xin được mạo muội kể ra:

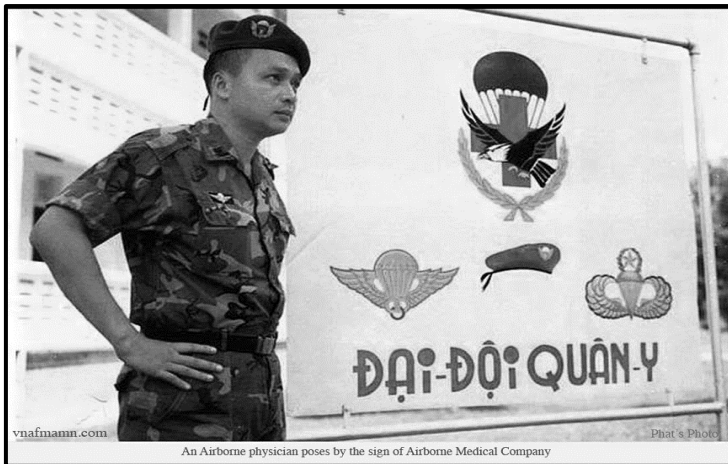
1- Nguyễn Văn Thắng (*ThắngNghé*), hiện định cư ở Hoa kỳ

2-Nguyễn Thanh Liêm (*Liêm show*), người mà câu chuyện vượt thoát từ Khánh Dương còn hấp dẫn hơn chuyện vượt ngục của Papillon; khi về Sài Gòn đã được Lữ Đoàn Trưởng Bùi Quyền đích thân đưa xe đến nhà rước vào trại để mổ một con bò khao quân. Anh Liêm đã vừa từ già cuộc chơi trần thế

3-Bùi Cao Đăng cũng đã yên nghỉ ngàn thu

4- Vĩnh Chánh đang định cư ở Hoa Kỳ, thỉnh thoảng vẫn đóng góp các bài hồi ký

Tập thể nào hoàn mỹ đến đâu vẫn có vài con chiên ghe, qua cuộc bể dâu. Có người vì háo thắng đã có lần quên liêm sỉ, tận tụy với chế độ cai trị được phong hàm Giáo Sư, nhưng nhìn chung xưa nay, lúc nào tôi cũng ngưỡng mộ các Quân y thuộc Sư Đoàn Dù vì họ đã làm những việc mà tôi chưa làm được. Ít nhất họ đã hơn tôi cái bằng Nhảy Dù. Họ đã có vài giây rơi tự do, mấy phút lơ lửng trên *không gian còn vương giấu dây*, và bị dù lôi khi đôi chân vừa chạm mặt đất, nhất là những Quân Y sĩ trẻ, những sĩ quan ưu tú của QLVNCH không thể hèn hạ bám váy vợ, như sự tưởng tượng của ông Nguyễn Đạt Thịnh.



Thơ

Lê Anh, K28

Con Chốt Cũ Xứ Người.

*Con chốt cũ qua sông bờ ngõ
Khi dòng đời đổi mới, thay tên
Ta từ đây bắt đầu làm lại
Học làm người bên phố hoa đèn*

*Những nắng mưa của thời xưa nhớ
Nghe thời gian ở tận chân mây
Ta giữa phố, nhà cao mây thấp
Thấy gì đâu xứ lạ mỗi ngày*

*Con chốt đã hay con chốt bị
Cả hai đều có tương tự nơi
Thời thế vậy nên người xưa nói
Tâm sinh vật thì vật theo người*

*Ta vốn chỉ là thân con chốt
Cuộc sống thường nặng một bể dâu
Xứ người lạ. Ta thời mạt vận
Tìm cái vui trong chỗ bên nhau*

*Sáng đi. Chưa thấy mặt trời mọc
Ngậm ngùi sao thiên hạ cũng là
Chiều từ sở về trời xạm tối
Một nẻo ngày quen giống như ta*

*Tháng tư đến. Ta ngồi bóc lịch
Tượng, xe, pháo, mã... ở trong tù
Ta chốt cùn ngồi nghe hết chuyện
Mới thấy đời phận đủ hẩm hiu*

*Tháng tư đến nỗi buồn không nói
Tóc xanh nay héo úa thành màu
Tuổi mau chóng già lên muối bạc
Biết còn chờ đợi được bao lâu?!*

*Ta sông núi buồn ngày di tản
Lớp người lam lũ chạy đàng sau
Mắt hướng trông vời nơi cố quận
Mả mồ nằm khuất bóng cây cao*

*Ta mây nước buồn mùa thương nhớ
Con gió xua ngày bão tố rơi
Trong nắng chiều xưa vàng cây cỏ
Có người con gái đã qua đời*

*Ta con chốt - thân cùng cát bụi
Bọt bèo trôi đi luống dậm đường
Non nước ngẩn ngơ màu nước bạc
Ta về thành phố mắt còn vương*

*Ta ty nạn xứ người quạnh vắng
Đời xôn xao nỗi nhớ lạ thường
Cả một trời mơ giờ bỏ lại
Một tình yêu cũ hay vết thương*

*Năm tháng nào còn nhiều thổn thức
Ai như nắng ấm buổi thiếu thời
Mây trắng phương trời kia, viễn xứ
Thu tàn còn mãi lá thu rơi*

*Lá vàng ơi, có rụng về cội
Ta vẫn chờ em ở cuối thu
Chiều qua ghềnh đá nhìn nước chảy
Đất mẹ nào trôi khuất mặt mù*

*Ta thấy chiều nay - người thấm lạnh
Tình trong cơn lốc của giao mùa
Gió tạt sương đời lên da thịt
Sầu gieo muôn thớ hạt mầm đau*

*Ta con chót cũ nơi xứ người
Nỗi mừng ngán ngùi những lúc vui
Nỗi đau xanh cỏ như ngày đến
Tiếc gì thêm nữa tuổi xế chiều.*

Chiếc Áo Rách.

*Bị bỏ nằm một góc
Len lên nhìn người qua
Nằm nơi khuất nhất trong nhà
Bâng khuâng tự biện bạch
Mình bị quên lãng
Cho đến một ngày
Tôi lục lạo tìm áo
Chiếc áo đã rách, không ai vá
Mà vá làm chi nữa
Cuộc đời riêng mình đã không như ý
Nó nát như chiếc áo rách
Thì dầu có vá lành
Cũng chỉ là mặc tạm khi cần
Những bất hạnh trong đời*

*Chỉ có quên đi như quên chiếc áo rách
Tôi tìm mãi chiếc áo mới giống như cũ
Nhưng không bao giờ còn nữa...*

Em Đến Thăm Rừng.

**Nhớ những ngày tù ở Phước Long.*

*Những con sông lạ hoắc tên
Rừng hoang chưa một lần quen nơi này
Vây mà lại có mặt đây
Mai về nhớ lắm những ngày còn bên*

*Xuôi chân xao động lá mềm
Nỗi buồn xiêu tán hẳn thêm lạc loài
Gặp nhau chỉ giữa lưu đày
Em lên rừng rú dấu bày mộng sau*

*Tình riêng xót cảnh nghe đau
Bến mơ hẹn muộn nhạt màu nguyên trinh
Em mang kỷ niệm một mình
Bóng soi xuống mặt nước hình hài xưa*

*Lưng trời bụi nắng hôn mưa
Mây ngang núi hẹn hò chưa cuối ngàn
Em đi hoa cỏ héo tàn
Cây im lá thấp nghe tan tác rừng.*

Thăm Nuôi Tù.

*Gặp nhau nơi đây
Chỉ biết hôm nay
Nỗi mừng run lên tiếng nấc
Vui vì địa ngục mở cửa*

Ta nhìn nhau quên cả thời gian
Nói chỉ những điều không cần
Thiên đường long lanh nằm trên má
Nhưng nó hiện hữu kéo dài
Bởi vì hàng rào kẽm gai
Làm cho mọi thứ trở nên thế giá
Và đảo nghĩa ...

Rời thời gian đọng lại
Nhà thăm nuôi chật người
Ánh mắt nói nhiều điều muốn nói
Nụ cười pha lệ trên môi
Nét mặt ai như còn tiếc nuối
Giờ chia tay chỉ biết lưu luyến
Bước chân ngập ngừng
Nỗi lòng kéo dài hơn sự im lặng
Vì địa ngục tới giờ khép cửa.

Tháng Tư Nắng Mưa.

Tháng tư vỡ những mảng đời
Đất nghiêng lệch tiếng khóc cười qua trang
Mây tầng xám một trời gân
Bước chân lạ dấu cảnh tan phố người

Tháng tư về những nỗi đời
Ngày ru còn chỉ một lời dỗ vui
Tháng tư khoát áo ngậm ngùi
Thân xương hồn lạnh hắt hiu giọt bày

*Tháng tư sạm mặt bóng gầy
Mộ bia trơ bãi sầu ngầy ngất nhiều
Ngày lên thành phố rong rêu
Nắng không đủ ấm vàng xiêu xuống chiều*

*Tháng tư này nữa tịch liêu
Tiếng chim vỗ cánh xa kêu từ ngàn
Bước chân mây đã có lần
Đốc đời nặng trĩu phù vân mặt người
Dặm sầu đọng lại hồ người
Tình xanh như lạc mất nơi cuối mùa*

*Tháng tư trang sử về đâu?
Mấy ai còn nhớ đến màu thời gian
Núi sông hòn lạch xa gần
Chân trời hẹn lại sương ngàn giăng ngang.*



Câu chuyện “ Cá tháng Tư ”

LƯƠNG Y NHƯ...TỪ MẪU

*Bác sĩ Phương Vũ
Võ Tam Anh*

Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, nhân dân Miền Nam Việt Nam lâm vào một tâm trạng hoang mang tột độ, mịt mù trước tương lai, lo âu cho cuộc sống hằng ngày. Tại Bệnh viện Vĩnh Long, mặc dầu tôi đã không còn trách nhiệm gì nữa mà anh chị em nhân viên cứ bám lấy tôi để dò hỏi, làm như tôi có phép màu nhiệm gì để giải tỏa được những thắc mắc đang quay cuồng trong trí óc mọi người.

Những người thay thế tôi cố sửa đổi bộ mặt của bệnh viện bằng cách cho sơn vẽ khắp nơi những khẩu hiệu cách mạng mới, mà đặc ý nhất là câu "Lương Y như Từ Mẫu", không biết lược được ở đâu, mà cứ nhan nhản khắp nơi, từ ngoài cổng, cầu thang, hành lang cho đến phòng thay áo, nhà tắm... như cố nhét vào đầu óc mọi người để tranh thủ cái độc quyền đạo đức nhân từ mà chỉ riêng người thầy thuốc cách mạng mới xứng đáng với hai chữ lương y.

Một hôm, tôi bước vào phòng trực y tá để thăm hỏi, thì thấy anh chị em đang quây quần tán gẫu, lẽ tất nhiên cũng không ngoài đề tài số một là gạo cơm lương bổng sẽ ra sao. Bên cạnh là bàn thờ tổ quốc, một thứ trang trí mới trong tất cả các phòng, bất luận là chuyên môn hay hành chánh, bên trên vẫn là cái câu nhân từ bất hủ đó. Một nữ hộ sinh chỉ vào khẩu hiệu, ngao ngán bảo với tôi: "Ông Thầy biết không, chúng em bị một phen mừng hụt vì nó đấy", rồi lăm lét nhìn ra cửa, nói tiếp: "Chiều nay khi mây chú cán bộ vào kẻ khẩu hiệu, khi ngang tới chữ "Lương y như..." chúng em mừng quá reo lên vì cứ tưởng là lương y như tháng trước, không ngờ nó lại là như... từ mẫu!".

Thế rồi vì không hiểu duyên nợ nghề nghiệp gắn liền hay đạo đức cách mạng chu đáo lo cho chúng tôi mà các bậc từ mẫu

đó, tuy khoác áo lương y nhưng lại cư xử theo tư cách một... cai ngục, đã đeo đẳng mãi chúng tôi trên suốt đoạn đường dài "cải tạo".

Sau những năm dài da diết trong rừng sâu Sơn La, trên biên giới Hoa Việt, cuối cùng, vì có chiến tranh với Trung quốc, chúng tôi được áp tải về một trại giam gần Hà Nội, một trại giam "kiêu mẫu", một thứ "cây kiềng" để chế độ trình diễn chính sách khoan hồng nhân đạo với thế giới bên ngoài. Trong cái tù kính bày hàng đó, lẽ tất nhiên sẵn sóc sức khỏe cho tù là "ưu tư hàng đầu" của Ban Giám Thị và vị lương y phải được đóng vai kép chính.

Trại Nam Hà, cách Chùa Hương không xa, được thời cuộc nâng lên hàng danh lam thắng cảnh để cho quan khách ngoại quốc lui tới viếng thăm, từ Hội Ân Xá Quốc Tế, báo chí Tây phương, các nghiệp đoàn cộng sản Pháp cho tới cả "đồng chí" Chandra Chủ tịch Hội Đồng Hòa Bình Thế Giới v.v... Từ trại nhìn ra, cảnh đẹp như tranh, xa xa những núi đá vôi nhỏ nhỏ, đủ hình đủ dạng, nổi lên trên một mặt nước phẳng lì thơ mộng trông như Vịnh Hạ Long. Cái mặt nước phẳng lì hiền hòa đó, không ai ngờ là một thứ hàng rào thiên nhiên vô cùng độc hại, là những đầm sinh lầy cát lờ đã nuốt sống biết bao là tù nhân trốn trại.

Bệnh xá nằm dưới chân đồi, trước sân có hòn non bộ với Lã Vọng ngồi câu, bên dưới là bể cá vàng lừ đừ lội nhìn chúng tôi bằng cặp mắt thờ ơ chán ngán, trên mái hiên treo đầy lồng chim đủ màu đủ loại, suốt ngày hót líu lo như để mĩa mai tâm trạng héo hắt toi bời của chúng tôi.

Tất cả cái thú xa xỉ trường giả đó đã được đánh đổi bằng xương thịt của chúng tôi qua sự cắt xén tiền thực phẩm vốn đã vô cùng đói rách. Cá thia vàng, chim hoàng yến, chim họa mi tung tăng bay nhảy, đã được mấy ngàn cặp mắt tù sâu hoắc và phờ phạt vì thiếu ăn, thèm thuồng nhìn qua giá trị của mấy chục gờ ram prôtêin mà vô cùng tiếc rẻ, vì nó đang nằm trong tầm tay mà lại ngoài tầm... bao tử. Cây kiềng trước sân được chăm sóc tỉ mỉ mà mỗi lần gọt tĩa là một dịp cho chúng tôi lượm lá rụng nấu thành một bữa rau để dành giứt nhau, tuy vừa dai vừa đắng nhưng màu đỏ của nước lá dền cũng cho chúng tôi ảo tưởng bổ dưỡng của chất sinh tố B12. Cái quang cảnh thân tiên của bệnh xá đó đã

được lên hình trên báo Liên Xô và được tô điểm đến độ mỗi lần thuyết trình cho phái đoàn ngoại quốc, viên giám đốc trại cũng không bao giờ quên luyện giọng một cách thành thực: "Tôi chỉ mơ ước được sống như những trại viên (ý nói từ chúng tôi)". Tiếc thay!!!

Đến đây tôi mới hiểu tại sao anh em tù Nam Hà gọi cán bộ bằng "Chèo" (phường chèo), trắng trợn đến độ ban giám thị phải gọi lên chính: "Cán bộ thì có nam có nữ, có sao các anh lại gọi bằng "chèo đực, chèo cái", nghe chẳng "văn hóa" tý nào". Trại có một mật độ chuyên viên y khoa cao nhất thế giới, trong số hai ngàn người (tù) thì có đến hai mươi bác sĩ (cũng tù). Tất cả đều phải lao động khổ sai như nhau, đập đá, đôn củi, ngâm mình dưới nước để kéo cày thay trâu..., trong khi trên bờ đê, cán bộ cầm cái roi dài quất qua quất lại khiến cho tù ở dưới ruộng không hiểu là mình đang còn ở kiếp người hay đã đầu thay qua kiếp khác làm trâu bò.

Phần điều trị được nhường lại cho những người ngoài ngành y tế được lựa chọn theo tiêu chuẩn hạnh kiểm và mức độ hợp tác. Tuy nhiên, bắt buộc dĩ bệnh xá phải giữ lại một vài bác sĩ tù để vừa giúp đỡ trong việc chuyên môn, để đọc các tên thuốc bằng ngoại ngữ, vừa để làm kiếng cho phái đoàn ngoại quốc xem, vừa để dạy cho các bác sĩ (không phải y khoa) cách mang ống nghe, cách bắt mạch v.v...

Người được chọn ở lại bệnh xá là một đồng nghiệp đàn anh, từng tốt nghiệp đại học Paris khi tôi chưa vào trường y khoa, từng giữ nhiều chức vụ điều khiển trong ngành y tế miền Nam, nay đã lớn tuổi được anh em rất nể nang nên tôn làm "đại ca". Đại ca còn có thêm biệt hiệu nữa là "Vua cháo heo" vì thỉnh thoảng được anh em nuôi heo cho cán bộ, thương tình làm nơ để cho múc một lon cháo heo (dĩ nhiên là béo bở hơn cơm tù) rồi vục chạy cho cán bộ khỏi thấy. Thế là tối hôm đó được một đêm huy hoàng. Sau khi chiếc khóa sắt nặng nề rột rạt khóa kín cửa chuồng lại, chúng tôi bao quanh đại ca, bên cạnh lon cháo heo bốc khói thơm phức, vừa xem đại ca lim dim đôi mắt thưởng thức từng hạt bo bo cháy khét mà tưởng chừng như ăn trứng caviar, vừa để đại ca kể lại cho đàn em nghe những ngày vàng son còn

du học trên đất Pháp, những đêm liên hoan trên đường phố Montmartre Paris...

Chỉ huy bệnh xá là một bác sĩ ngành công an, luôn luôn nhìn chúng tôi bằng cặp mắt nghi ngờ đầy mặc cảm, có lẽ đã đọc được trong phiếu lý lịch của chúng tôi một tội danh lạ đời: "Can tội: bác sĩ". Một hôm tịch thu được hộp dụng cụ tiêu phẫu trong đó có cây kềm Michel giống cái kéo, dùng để gỡ các móc da, bác sĩ loay hoay mãi không biết làm sao, cuối cùng chê: "Kéo với kiết, thế này thì làm sao cắt được, dốt thế!" Mắt bác sĩ đã quen nhìn những lọ Pénicilline Trung Quốc làm bằng một thứ chai đục ngầu, bịt lỗ đố, nút lọ được khấn kín bằng sáp như thuốc "cao đơn hoàn tán", nên khi gặp một lọ Pénicilline bào chế ở miền Nam, rất kinh ngạc vì kỹ thuật sai biệt, và khi thấy trên lọ mấy chữ: "Laboratoires Ténamyd Thủ Đức", bèn mừng rỡ khoe với chúng tôi: "Thuốc của Đức đấy, xã hội chủ nghĩa anh em ta đấy". Dưới trướng của vị lương y này là một ban chuyên môn (không phải y khoa) gồm đủ thành phần. Một anh có hoa tay đục đẽo, chạm trổ, biến các lon sữa Guigoz thành những hộp thuốc lá, cái lược, cái vòng, tinh vi như những nữ trang thứ thiệt để lương y đem về tặng thân nhân hoặc... đổi chác. Một anh ngành quân cụ lo bảo trì chiếc xe đạp "hữu nghị" mà người cỡi cũng hãnh diện như lái chiếc xe Mercedes vậy. Một họa sĩ có biệt tài biến hóa những gương mặt trong gia đình lương y từ một tấm ảnh nhăn nheo vàng khè thành những chân dung sạch sẽ khôi ngô, và lương y cũng không dấu được sự hài lòng khi thấy khoác lên ông cụ thân sinh chiếc khăn nhiễu, cái áo gấm, trông rất "quan", còn phu nhân và ái nữ cũng được mặc chiếc áo dài mà ngoài đời họ chưa bao giờ sờ tới. Riêng bản thân lương y, khi đề nghị mặc bộ âu phục cho oai thì lưỡng lự hồi lâu rồi buồn rầu trả lời: "Chớ, không nên, nhỡ trên biết được thì khôn", nên đành chấp nhận bộ đồng phục công an vậy.

Về phần điều trị, có lẽ Đảng đã sáng suốt thấy rõ sự lúng túng của lương y, nên chỉ thị cho quốc doanh cung cấp dược phẩm dưới hình thức "viên" hết sức đơn giản, hề đau ở bộ phận nào thì đã có những viên tương ứng: viên gan, viên dạ dày, viên phổi, viên tim, viên xương, viên khớp v.v... Ban đêm nếu có tiếng kêu cứu từ các phòng vọng ra, thì thăm xé nát sự im lặng nặng

nề của trại tù về đêm, rồi cứ lặp đi lặp lại mãi như dội qua vách núi, cho đến khi lương y khệnh khạng đến, cho ông nghe qua một khe nhỏ để khám bệnh nhân ở trong phòng rồi hoặc phát cho vài "viên", hoặc bắt bệnh nhân dán mông đít vào song cửa sắt chích cho một mũi thuốc để chờ tới sáng. Cũng trong hoàn cảnh đó, một Thượng Nghị Sĩ nổi tiếng ở Sài Gòn, bị trúng độc vì ăn sắn sống, trộm được lúc ban chiều khi đi lao động, đã phải chờ mãi cho tới sáng hôm sau, khi được đưa ra khỏi phòng thì đã quá trễ.

Một buổi chiều nọ, khi đi lao động về, anh em ngạc nhiên chứng kiến một hiện tượng lạ thường. Trại được sơn phết lại trắng xóa, trên vách tường lại vẽ thêm những bông hoa màu mè sắc sỡ, có lẽ vì cây cảnh thật đã bị tù bút lá bẻ hoa không đủ đem lại vẻ vui tươi cho nhà tù. Giữa sân lại có cảnh nhóm chợ trời, cán bộ bày bán thịt tươi, rau sống cho anh em tù nào còn dẫu đứt được chút tiền còm tung ra mua ăn bồi dưỡng. Những người giàu tưởng tượng cho truyền ngay một câu sấm, không biết có phải của Trạng Trình không:

*"Bao giờ tường đá nở hoa,
Nhà tù nhóm chợ thì ta... ra về"*

Về đâu chẳng thấy nhưng trước mắt là phải ráo riết chuẩn bị doanh trại để đón tiếp một phái đoàn ngoại quốc quan trọng, một công tác làm đảo lộn hẳn nếp sống hằng ngày, để được đến bù bằng một chút an ủi mơ hồ là còn được người đời biết tới.

Ngày tới hôm đó, một số nhạc cụ kể cả cây dương cầm nặng nề được hì hục chở về từ Hà Nội để cho ban nhạc tha hồ tập dượt mãi tới khuya. Tiếng nhạc vang lên từ một góc núi làm khuây khỏa trong chốc lát những u uẩn của tù nhân. Thịnh thoảng một vài bản "nhạc vàng" được chơi lên, tiếng réo rắt của "Diễm Xưa", "Nắng chiều" gọi lên một nỗi nhớ nhà vô biên, mà lỡ cán bộ có hỏi tới thì anh em đã sẵn câu trả lời: "Nhạc Cuba đấy", thế là yên.

Căn phòng chật chội hôi hám trong đó hằng mấy trăm mạng người chen lấn giành giựt từng ly, từng phân trên cái tiêu chuẩn hai bàn tay cho mỗi người, nay được thu dọn thành ba mươi chỗ nằm rộng rãi thơm mát, với chiếu hoa mới toanh, chăn len thơm phức, sắp xếp thẳng tắp như trong một quân trường.

Từ mờ sáng, ngoài thành phần ở lại để trình diễn, còn tất cả phải lũ lượt kéo nhau thành từng đàn qua các đường mòn khúc

khuyết để vào trốn sâu trong núi. Các anh em bệnh nặng thì được công, gánh hoặc khập khểnh lết đi thật xa để khuất khỏi tầm mắt trong sáng của người ngoại quốc cái hình ảnh vẫn đục thê thảm đó.

Bệnh xá này nhường lại cho những con bệnh mới, không có bệnh nhưng có một thể xác chưa tàn tạ nhờ có thăm nuôi, lúng túng học thuộc lòng những căn bệnh thời đại do "tàn dư Mỹ Ngụy để lại": Sơ gan vì rượu chè, lên máu vì nhậu nhẹt, nghẽn mạch máu vì xì ke, ma túy... Gọn gàng sạch sẽ trong những bộ đồ ngủ mới toanh, trên mỗi đầu giường có chung thêm một hộp sữa cũng "kiêng" như bệnh nhân, nghĩa là sẽ được thu hồi ngay sau khi phái đoàn ra về

Ban thể thao, bóng chuyền, bóng bàn, trong đồng phục gọn ghẽ vui mắt, ra sức tranh thủ để được bồi dưỡng thêm mấy củ khoai. Từ sáng sớm ban nhạc đã inh ỏi trở lên những bản nhạc hùng khôi cộng sản, gây không khí vui nhộn làm cho quan khách có cảm giác là đi chơi chợ phiên hơn là đi thăm nhà tù.

Không hiểu là một phần thưởng hay là một cực hình tử nhục cho những ai được chọn để ngồi ăn một bữa cơm "xoàng" mà trong suốt cuộc hành trình cải tạo họ chưa bao giờ được nếm. Thực đơn, được dán ở cửa, gồm có cơm trắng (một hiếm hoi trên đất Bắc) và thịt lợn, rau muống (một điều lạ trong nhà tù). Bữa cỗ được diễn tiến theo một lịch trình khắt khe: Ngồi vào bàn khi phái đoàn rời Hà Nội (8 giờ sáng), cầm đũa khi họ đến cổng trại (10 giờ sáng) để cho bao tử còn cào tiết chất chua, nước mắt nước mũi chảy dài vì ngỡ ngàng trước mấy món ăn thơm phức béo bở, cứ thế mà chịu đựng cái cực hình sinh lý đó suốt mấy tiếng đồng hồ, hai tay thì cứ tuyệt vọng vung vẩy trong một thứ còng vô hình cho đến khi bóng dáng của phái đoàn cứu tinh xuất hiện ở ngưỡng cửa mới được lệnh cho thức ăn vào miệng (1 hoặc 2 giờ trưa).

Phần trình diễn của bệnh xá được mở màn khi phái đoàn đặt chân vào trại. Bác sĩ trưởng, trong bộ áo bờ lu lưng thụng, chiếc nón vải che khuất chân mày, trịnh trọng đặt ống nghe vào bệnh nhân ngồi trước mặt, rồi cứ giữ tư thế đó như một pho tượng sáp cho tới khi phái đoàn đi qua. Lẽ cố nhiên "đại ca" của chúng tôi cũng có mặt tại bệnh xá với một chỉ thị nghiêm khắc: Không được nói tiếng ngoại ngữ và cố tránh mặt phái đoàn chừng nào

hay chừng đó. Một nhà báo Pháp hỏi đại ca: "Anh biết tiếng Pháp không?" Vì đã được dặn trước, đại ca phải chờ cho thông dịch viên Bộ Nội vụ dịch xong để chứng tỏ rằng mình không hiểu được câu hỏi, rồi mới trả lời "Không". Nhà báo hỏi tiếp: "Anh tốt nghiệp ở đâu?" Câu hỏi bất ngờ này không được ban giám thị cho học tập trước, nhưng cũng vẫn chờ được dịch xong như thường lệ, đại ca mới trả lời: "Y Khoa Đại Học Paris". Nhà báo bàng hoàng, ngạc nhiên như khám phá được một điều gì bí ẩn, một cái gì bất thường, tò mò hỏi tiếp thì được biết vợ anh là người Pháp, hiện sinh sống ở Paris, nên mừng rỡ chụp cho một tấm hình rồi ân cần thêm: "Tuần sau vợ con anh sẽ nhận được." Lòng nhà báo hân hoan phấn khởi vì vừa làm được một nghĩa cử trọng đại.

Chưa kịp mừng thì tai họa đến ngay. Sau khi phái đoàn ra về, thì ông bạn già của chúng ta, nạn nhân của lòng vị tha nhân đạo kiểu Tây phương, bị bác sĩ trường bệnh xá và ban giám thị gọi lên mắng nhiếc thậm tệ, bắt kiểm điểm lên kiểm điểm xuống, để rồi, bắt đầu từ hôm sau, hằng ngày phải ra lao động, đập đá, kéo cày, ngâm mình dưới ruộng như hàng ngàn, hàng vạn anh em tù khác. Ngày tôi về, đại ca còn ở lại, tiền đưa tôi bằng cặp mắt đã hết nước mắt và hẹn tôi ở... kiếp sau!

Dư âm nặng nề của cuộc viếng thăm và vì tấn tuồng đóng vụn, làm cho cơn lôi đình của lương y đã trút hết lên đầu chúng tôi, nay không còn khoác áo Từ Mẫu nữa mà lại đội lốt... Ác Mẫu



PHẠM TÍN AN NINH

Nguyễn Phụng

Từ lâu, tôi định viết một bài ngắn về nhà văn Phạm Tín An Ninh (PTAN) nhưng cứ dần dà hoãn. Nhiều năm trong cuộc chiến, dù nhiều lần bị tiếng hỏa tiễn làm ù tai và khói lửa làm cay mắt, nhưng tôi chỉ là một người hậu phương, với kinh nghiệm chiến trường quá ít ỏi, suy nghĩ về cuộc chiến chỉ chạy vòng vòng qua năm ba câu chuyện bạn bè kể lại, mấy tờ nhật báo, mấy bút ký chiến trường của vài cây viết nổi tiếng và vài tác giả ngoại quốc quen thuộc. Với kinh nghiệm đó, tôi nghĩ tôi thiếu hẳn sự *đồng cảm* với PTAN — một chiến sĩ gan dạ, thao lược, từ tâm và chiến đấu gian khổ nhiều năm — để nói lên hết những điều đáng nói về tác giả. Mấy trang tôi viết dưới đây là những dòng phụ đề của bức hình PTAN tôi vẽ lên trong trí. Bức hình này chắc không rõ và không đầy đủ các góc cạnh vì sự thiếu *đồng cảm* đó; ước mong độc giả coi bức hình và những dòng phụ đề này như một lời cảm ơn muôn màng gửi đến người lính chiến Miền Nam PTAN và chiến hữu của tác giả*.



1

Hồi cầm súng đánh giặc, PTAN là người lính chiến bền bỉ và gan dạ như bao nhiêu người lính Việt Nam Cộng Hòa khác; PTAN chiến đấu và chiến đấu; PTAN không ngang tàng, không bất cần đời như người lính Nguyễn Bắc Sơn:

*Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé sông Mao phá phách chơi
Chia sót nổi buồn cùng gái điếm
Đốt tiền mua vội một ngày vui
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn
Mặt trời thoảng đã ở phương Tây
Nếu ta lỡ chết vì say rượu
Linh hồn chắc sẽ thành mây bay*

(Mật khu Lê Hồng Phong, Nguyễn Bắc Sơn)

PTAN cũng không lừng khùng như người lính Cao Tần nhưng yêu nước chẳng kém gì người lính tài hoa này:

*Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ
Bước giày đình lạng quạng một đời trai
Vừa đánh giặc vừa lừng khùng triết lý
Nhưng thắng này yêu nước chẳng thua ai*

(Cảm Khoái, Cao Tần)

Tình yêu nước đó là máu huyết và hơi thở của PTAN dù chưa được tác giả trực tiếp nhắc đến, dù chỉ một lần, trong tác phẩm của mình. Điều đó dễ hiểu. Xông pha trong vòng lửa đạn, lý tưởng cao quý đó trở thành mục tiêu gần gũi nhất, thân cận nhất, ngay trước mặt: chiến đấu để sống còn và bảo vệ đồng đội. Lý tưởng cao quý đó là linh hồn của hầu hết các truyện và là sức sống và tình thương chan hòa nơi nhiều nhân vật của tác giả.

Tàn cuộc chiến, PTAN phải làm kẻ thua cuộc và bị đày đoạ nhiều năm trong lao tù cộng sản. Tuy vậy, PTAN không hề mang mặc cảm nặng trĩu của kẻ bất tài hay không làm tròn bổn phận như Hà Huyền Chi “*Giữ quê quê mất, giữ nhà nhà tan*”. PTAN hiểu mình và hiểu sự đóng góp nhỏ nhoi của mình trong hoàn cảnh hẩm hiu của đất nước Việt Nam trước các mưu mô mua bán, đổi chác của các cường quốc. Rồi khi may mắn vượt thoát khỏi sự kiểm kẹp của người cộng sản để tìm lại “tự do của ngày nào” trên quê hương thứ hai Na Uy, PTAN không cay đắng như Thanh Nam; dù đã hít thở không khí tự do của nước Mỹ, Thanh Nam vẫn thường cứ tưởng như còn “*Nằm giữa sa trường nát gió mưa*”.

Hơn bốn mươi năm trôi qua, vết thương trên thể xác, vết chém trong tâm hồn, nỗi đau vì tù tội và nỗi buồn chiến bại vẫn

còn đó nhưng chúng không bằng hoại tâm tình trong sáng của PTAN, không gây chứng bệnh tâm thần hay ung thư như trường hợp Nguyễn Bắc Sơn:

*Ta mắc bệnh ung thư thời chiến
Thoi thóp còn một trái tim khô
Sợ hãi con người hơn thú dữ
Nhìn nơi nào cũng thấy hư vô
Mai kia trong những ngày ngưng chiến
Ta chắc rằng không thể yêu ai
Nhà thương điên nếu còn chỗ trống
Xin chiếc giường cho xác tàn phai.*

(Căn Bệnh Thời Chiến, Nguyễn Bắc Sơn)

Độc giả quen thuộc với truyện **Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh** (*A l'Ouest, rien de nouveau*) của Eric M. Remarque, thấy ngay rằng người lính PTAN khác hẳn với anh chàng lính Đức, Paul Bäumer. Paul bị hủy hoại thể xác, tình cảm, tâm linh, phải vất bỏ cảm xúc, lý trí để sống như súc vật và rồi kết thúc bằng cái chết hững hờ vì muốn nhìn một cảnh hoa dại ngoài miệng hầm. Trong cách nhìn đó, PTAN cũng cách xa người lính Pháp Bardamu trong truyện **Cuộc Hành Trình Khi Trời Tăng Sáng** (*Voyage au bout de la nuit*) của Louis-Ferdinand Céline. Chiến tranh biến Bardamu thành người cay chua, bi quan về cuộc sống, oán trách xã hội, thù ghét loài người...

Mang thương tích trên thể xác và tâm hồn, nhưng PTAN không kết án hay bào chữa; hình ảnh cuộc chiến với hầm hố, mìn bẫy và tiếng bom đạn còn in sâu trong tâm trí, nhưng PTAN không thù hận; tiếc thương bạn bè ngã xuống và dân chúng chịu làm than nhưng PTAN không đem sự đau thương đó làm nặng lòng người đọc. Và giờ đây, khi chia sót tâm tình bằng ngòi bút, PTAN không tặng người đọc một món quà chua cay, một hàng rào kẽm gai — như **A Gift of Barbed Wire** của Robert S. McKelvey — một loại hàng rào làm bằng dây leo thời đại, loại dây leo đậm màu máu khô và thêm khát máu tươi

2

Ký sự chiến trường là một đặc điểm của văn học Miền Nam trước 1975, dồi dào đa diện và nhiều màu sắc cá nhân. Lý

do chính của hiện tượng đó là người viết không phải viết theo đơn đặt hàng của chính phủ, không phải ca tụng một lãnh tụ hay một chủ nghĩa chính trị nào hết; tác giả viết theo tâm tình và nhận xét của mình, về một biến cố hay một trận chiến nào đó tùy theo cơ hội và sở thích. Đó là lý do tại sao bút ký của Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ, Trang Châu... tuy cùng quy về cuộc chiến đấu mất còn để bảo vệ Miền Nam, nhưng mỗi tác giả một vẻ riêng. PTAN nói tiếp truyền thống bút ký chiến trường đó nhưng đứng ở một góc riêng biệt.

PTAN là một sự trái ngược tuyệt đối của Phan Nhật Nam. Phan Nhật Nam viết với nỗi bất bình đang sôi sùng sục và hận thù mê mông tiềm ẩn trong lòng. Phan Nhật Nam “viết bút ký như là một thứ câu kinh trong niêm cô đơn đen đặc, viết bút ký để thấy những giọt nước mắt vô hình tha hồ tuôn chảy sau bao nhiêu lần nín kín, viết bút ký như một tiếng nức nở được thoát hơi sau hàm răng nghiền thật chặt thắm máu tươi từ đôi môi khô héo”. Phan Nhật Nam viết với một thái độ rõ rệt như khi cầm súng bắn vào giặc, người đọc tưởng như Phan Nhật Nam có thể bay theo viên đạn về phía địch và hét to vào tai quân thù: “Tại sao chúng mày bỏ vợ con, bỏ vườn ruộng vào đây để đốt làng xóm, để giết hại chúng tao? Tại sao? Tại sao? Tại sao?” Đó là thời Phan Nhật Nam tay cầm súng tay cầm viết. Giờ đây, hơn bốn mươi năm trôi qua, Phan Nhật Nam trong *Phận Người Phận Nước* năm 2013 chẳng khác mấy Phan Nhật Nam của *Mùa Hè Đỏ Lửa* năm 1972.

PTAN không hò hét, không nghiền răng, không bậm môi; khi viết tác giả bình tâm, để cuộc sống lắng xuống thật sâu và lắng nghe tiếng nói của con tim — con tim của cả ngàn người lính chiến đã ngã xuống hay đang sống đâu đó trên xứ lạ quê người và con tim của bao nhiêu mẹ già, vợ hiền, trẻ thơ thôn thức vì đau thương do cuộc chiến gây nên mà tác giả đã gặp. PTAN không ồn ào; dòng chữ của tác giả là dòng nước mắt vô hình và lời an ủi vô thanh chia sẻ và xoa dịu nỗi đau triền miên của cuộc chiến.

Hồi còn đánh giặc, chỉ trong bảy năm cầm súng, Nguyễn Vũ cho ra đời hơn hai mươi tác phẩm nhưng ông cho việc viết lách đó chỉ là một “trò chơi”. Có lẽ Nguyễn Vũ nói trong lúc cao

hứng nhưng xét cho cùng, trong cuộc sống mà nổi chết ám ảnh từng phút từng giờ, chiến tranh quả là một trò chơi quái ác, phi lý của con người, viết lách thành ra là một trò của cuộc sống — trò chơi để quên đời, như bao nhiêu trò chơi khác, rượu bia bài bạc...

PTAN không viết để chơi hay quên đời mà viết để hít thở lại bầu không khí thơm mùi hoa cỏ của những miền đất nước mến yêu tác giả ngày nào đã đi qua, miền đất nước nay xa xôi, quá mịt mờ vì ai đó quá vô tình... PTAN viết để nhận định sự sống và chết của người lính chiến. Chết vì trái mìn, mảnh đại bác hay viên đạn không có mắt là cái chết tình cờ, không chờ đợi; chết vì không bỏ rơi đồng đội hay xông vào lẩn đạn để cứu đồng đội là một hành động có ý thức, một lựa chọn, một lựa chọn mang ý nghĩa đích thực của sự sống. PTAN viết để tìm lại một thứ cảm giác mệnh mang — cảm giác được sống còn nhờ cái chết có chọn lựa của đồng đội. PTAN viết để sống, sống trọn vẹn cuộc sống của người già từ vũ khí; đó là cuộc sống không cần ý thức làm quen với nổi chết để sống, một cuộc sống không có sự xung đột giữa hai ý tưởng đối nghịch — quyết tâm *tiêu diệt* con người và đem *tình người* đến cho con người. Xa rời bản năng tự vệ tác hại của con người, PTAN chỉ nhìn thấy *tình người* và viết để hâm nóng lại *tình người* chan chứa nơi các chiến hữu đã nằm xuống hay đang phiêu bạt đầu đó và nơi những người dân vô tội chịu đau thương vì cuộc chiến.

3

Trước đây hơn nửa thế kỷ, qua tác phẩm *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* Nguyễn Mạnh Côn đem tình yêu nước thiết tha của một người trai trẻ để viết những trang sử đen tối của lịch sử Việt Nam, những trang sử đau thương do người cộng sản gây ra: Họ lừa gạt và giết hại những người Quốc Gia yêu nước, họ tuyên truyền mị dân để ru ngủ dân chúng, dùng đấu tranh giai cấp để giết hại dân lành vô tội, làm tay sai cho ngoại bang Nga, Tàu... Lịch sử viết bằng tâm tình sẽ thiếu sót hay thiên lệch, vài người e ngại như vậy. E ngại đó quen thuộc nhưng gò bó vì nhà văn là sử gia của thời hiện tại và sử gia là nhà văn của thời quá khứ — *Le romancier est l'historien du présent, alors que l'historien est*

le romancier du passé. Nhiều sự việc các nhà văn mô tả trở thành sử liệu quý báu, chân thật và chân thật hơn những trang “chính sử” viết để phục vụ một lãnh tụ hay một chế độ chính trị. Ngoài ra, diễn tả sự việc với tâm tình, nhà văn đem lại sự linh hoạt cho sự việc; và trong nhiều trường hợp, nhà văn phô bày sự thật toàn diện hơn sự thật chính nó. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn là một sử gia đáng kính và đáng đọc.

Cuộc chiến Việt Nam bị bóp méo và trình bày sai lạc; người lính chiến Miền Nam bị chê bai một cách bất công và bị bức tử. Hơn bốn mươi năm qua rồi từ ngày tàn cuộc chiến, lớp cát bụi chiến trường đã lắng xuống, những lời khoác lác của kẻ thắng cuộc trở thành lối bịch, và nhiều nhân chứng của cuộc chiến đã lên tiếng; sự thật của cuộc chiến vì thế phơi bày thêm rõ ràng. PTAN góp một phần nhỏ trong việc phơi bày đó. PTAN nói gót Nguyễn Mạnh Côn *đem tâm tình viết lịch sử*. Nhưng khác với Nguyễn Mạnh Côn, PTAN chỉ nhắm vào một góc cạnh, đó là *người lính chiến Miền Nam* — người lính chiến đấu trong hoàn cảnh nghiệt ngã, khó khăn và chiến đấu để bảo vệ *giá trị con người* của chính mình và của mọi người khác. Giá trị này vượt lên trên lẽ thắng bại và sẽ không bao giờ bị mờ nhạt dù kẻ thắng cuộc đang bóp méo và bôi xóa lịch sử.

Vì bản tính khiêm nhường PTAN chỉ nhận mình là một người kể chuyện chứ không phải là nhà văn. Sự từ chối này có lý do thực tại, vì dù sao PTAN cũng chỉ là một người lạc vào lịch sử và nghệ thuật vì thời cuộc, nhưng đó là dấu hiệu của sự khiêm tốn và nhã nhặn của tác giả. Từ thuở sơ khai và trong nhiều xã hội, văn chương bắt nguồn từ kể chuyện; và khi chữ viết thịnh hành, người biết sắp xếp câu chuyện cho thú lỏp và trình bày các diễn biến lôi cuốn được người nghe thường là những nhà văn lớn.

Dù PTAN không nhận mình là một nhà văn cầm bút chủ yếu vì nghệ thuật (*écrivain*) như chúng ta thường hiểu thì tác giả là một nhà văn viết lách với một sứ mệnh (*écrivain*) nghĩa là dùng văn chương như một phương tiện để nói lên những điều cần nói. Tuy chưa một lần nói lên điều cần nói đó (và chắc sẽ chẳng bao giờ nói lên với cường điệu hay thậm xưng), nhưng PTAN đã nói rất nhiều: Những dòng chữ chân tình của tác giả *đâm uớt* tình yêu

quê hương đất nước. Cuộc chiến phi lý vừa qua chẳng dạy chúng ta phân biệt kẻ mạnh người yếu hay điều đúng điều sai, mà chỉ nhắc nhở chúng ta một điều: *Tình yêu quê hương đất nước* trên hết. Và giờ đây, Mẹ Việt Nam đang trên giường bệnh, đang chiến đấu mỗi mòn với cơn bạo bệnh ngặt nghèo. Mẹ Việt Nam sẽ chóng bình phục và may ra sống còn nếu ai đó *tập nói lại* tiếng nói *tình yêu quê hương đất nước*.

4

Chân dung của chiến sĩ PTAN trong cuộc chiến bi thảm vừa qua *khó* nắm bắt hơn nghệ thuật kể chuyện và dựng truyện và của tác giả. Với ký ức phi thường, PTAN ghi nhớ nhiều chuyện để kể cho nhiều lớp người nghe; nhưng ký ức tự nó không đủ, nếu câu chuyện không được ghi nhớ bằng sự tế nhị và chiều sâu của tâm hồn. “*Chuyện Người Linh Trinh Sát*”, “*Chuyện Một Người Bạn Học*”, “*Chuyện Cái Nón Lá*”, “*Câu Chuyện Từ Một Bộ Quân Phục*”... là một chuỗi dài những mảnh vỡ thương tâm của cuộc sống, những mối ân tình, những tâm hồn cao thượng... Đó là những sự việc cần biết, những sự việc cần được kể lại cho hậu thế. Mỗi sự việc mang một giá trị nội tại đặc thù của nó: để riêng biệt, mỗi chuyện là *lời tâm tình* thi vị, văn vẻ; xếp vào nhau, chúng thành một tập tài liệu *lịch sử* giá trị; trải ra kể cận bên nhau, chúng tạo thành một bức tranh *hiện thực* linh động.

Bên cạnh các chuyện kể là các truyện ngắn với nhiều sự việc, diễn biến, xung đột, và kết thúc bất ngờ. Truyện “*Ở Cuối Hai Con Đường*”, “*Ba Dòng Nước mắt*”, “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*”... mang đầy đủ các yếu tố kỹ thuật và nghệ thuật để đi sâu vào tâm tư và ký ức người đọc. Truyện “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*” đi xa hơn chút nữa, gây một âm vang xa xôi, một dư vị buồn vui lẫn lộn trong lòng người đọc.

Truyện “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*” làm sống lại một cảnh đau thương của cuộc chiến, đó là cuộc di tản kinh hoàng trên đường số 7B từ Pleiku xuống Tuy Hoà giữa tháng 3 năm 1975 trong kế hoạch triệt thoái Cao Nguyên. Nhân vật chính là người vợ lính di tản theo chồng, một sĩ quan Biệt Động Quân. Chị bé đưa con gái, Lê Thùy Dương, giao chồng đưa con trai, Lê Cao Nguyên bốn tuổi. Bị cộng quân tấn công bốn bề, người

chồng lung công con, tay cầm súng điều động binh sĩ chiến đấu. Những người lính Biệt Động Quân chiến đấu tới cùng rồi tự sát. Trong cảnh chém giết đó, chị lạc chồng nhưng may mắn trốn được về Nha Trang. Một tuần sau, chị trở lại chỗ cũ tìm kiếm nhưng không được tin tức gì về chồng và con. Sau cùng, theo lời kể của một người lính, chị được biết chồng chị bị thương và cố lết đến nơi có dân cư. Mười năm sau chị vượt biên được tàu Na Uy vớt và định cư tại nước Bắc Âu này.

Hai mươi năm sau Thùy Dương lấy chồng, chị đưa con về thăm Nha Trang và trở lại Cao Nguyên tìm chồng và con. Chị gặp một anh bán gà người Thượng tên *Tlang*, anh ta có vết sẹo trên cánh tay y như con trai của chị. Chị tìm tới nhà cha mẹ *Tlang*, và được biết rằng hồi tháng 3 năm 1975, một người lính bị thương nặng, lưng công đưa trẻ, lết vào dưới nhà sàn rồi chết ở đó; vợ chồng bà đã chôn người lính dưới một gốc cây gần đó rồi nuôi dưỡng đứa trẻ và đặt tên là *Tlang*... Đứa trẻ ấy chính là Lê Cao Nguyên nay đã một vợ hai con. Chị mời *Tlang* về Nha Trang sống, *Tlang* từ chối vì không muốn từ bỏ núi rừng; chị làm cho con một căn nhà sàn và từ bỏ ý định cải táng chồng về Nha Trang vì muốn ông ở lại với đứa con trai.

Độc truyện “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*”, người đọc bị tác giả nắm chặt lấy tay dẫn đi trên con đường uốn khúc với nhiều biến đổi thương tâm, hãi hùng và oai hùng; người đọc hoàn toàn bị tác giả thu hút qua hết các chặng đường nhưng được chuẩn bị để trở lại với chính mình và suy tư về những gì đã trải qua ở cuối con đường. PTAN tạo ra một khung cảnh sinh động dựa vào lịch sử, thực tại, tình cảm và hoài cảm, một khung cảnh mà người đọc dù vô tâm cũng dễ cảm nhận và hòa nhập. Trong khung cảnh đó, câu chuyện không phải là một *độc thoại* của tác giả mà là cuộc *đối thoại* giữa tác giả và lương tri người đọc về đất nước, chiến tranh, ý nghĩa của cuộc sống và sự lựa chọn.

Hình ảnh đậm nét của câu chuyện là thảm cảnh chiến tranh, mối tình thơ mộng giữa một sĩ quan oai hùng và một người đẹp xứ Huế, sự chiến đấu anh dũng của người lính Biệt Động Quân, lòng chung thủy của người vợ trẻ và sự lựa chọn của *Tlang*, người con rơi rớt vì chiến tranh. Tuy mang máu huyết oai hùng và nét thanh lịch của cha và mẹ nhưng *Tlang* lớn lên với núi rừng;

lựa chọn của *Tlang* không về sống tại Nha Trang là âm vang của tiếng gọi linh thiêng của rừng núi Cao Nguyên. Nghe theo tiếng gọi đó là một *lựa chọn* hồn nhiên, nhưng lựa chọn nào cũng bao hàm ít nhiều *từ chối*. Sự từ chối ở đây, vì hoàn cảnh đau thương của đất nước và éo le của gia đình, là một niềm vui nho nhỏ và nỗi ngậm ngùi khôn nguôi cho người mẹ — người mẹ khắc khoải chờ đợi bao nhiêu năm để vượt ngàn dặm tìm chồng, tìm con.

* * *

Thời cảm hứng, PTAN sống toàn vẹn cuộc sống lính chiến. Dù tâm thức giao động nhưng tác giả luôn luôn biết vị trí của mình tại từng thời điểm khác nhau và nhìn đủ bốn phương để ghi nhận; và cuối cùng, không quên nhìn lại suốt đoạn đường đã đi qua để suy ngẫm. Thời giả tử vũ khí và phải viết để sống, PTAN chuyển đoạn đường lịch sử đã đi qua thành một *tâm tư thời đại* và giải bày sự việc ghi nhận bằng *tình thương yêu* của những người mang hệ lụy của cuộc chiến hòa nhịp theo tâm tư thời đại đó. Với cách ghi nhận, giải bày và dàn dựng truyện đó, truyện PTAN xao động mãnh liệt tâm tư người đọc, đi sâu vào ký ức họ và sẽ trường tồn qua nhiều thế hệ.

Nguyễn Phụng
Raleigh, North Carolina 5/2017

Tác giả Nguyễn Phụng, xuất thân từ trường trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng, tốt nghiệp Đốc Sự & Cao Học tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn, tiến sĩ tại Duke University North Carolina, nghỉ hưu sau ba mươi năm giảng dạy tại NC A&T State University.

* * *